

Số: 389 /CTCPĐN-KH

An Giang, ngày 11 tháng 4 năm 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN NƯỚC AN GIANG NĂM 2018

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Điện Nước An Giang.
2. Tên tiếng Anh: An Giang Power And Water Supply Joint Stock Company.
3. Trụ sở chính: Số 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
4. Điện thoại: 0296.3856100 Fax: 0296.3857800

Nội dung thông tin công bố :

Công ty cổ phần Điện Nước An Giang xin công bố thông tin báo cáo thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Điện Nước An Giang. Cụ thể:

- + Báo cáo thường niên năm 2018.
- + Báo cáo tình hình quản trị năm 2018.
(đính kèm các báo cáo & phụ lục)

Công ty cổ phần Điện Nước An Giang xin công bố thông tin đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được rõ.

Trân trọng kính chào !

Nơi nhận :

- Như trên;
- Đăng Website Cty;
- Lưu : VT, KH-KD.

CÔNG TY CP ĐIỆN NƯỚC AN GIANG
CHỦ TỊCH HĐQT



(Handwritten signature)
Lương Văn bạ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1,
phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG
NĂM 2018**

Tháng 04/2018



MỤC LỤC

I. Thông tin chung	1
1. Thông tin khái quát.....	1
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	1
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	2
4. Định hướng phát triển.....	4
5. Các rủi ro	4
II. Tình hình hoạt động trong năm	5
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	5
2. Tổ chức và nhân sự.....	5
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	10
4. Tình hình tài chính.....	10
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu)	11
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.....	12
6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:.....	12
6.2. Tiêu thụ năng lượng:.....	12
6.3. Tiêu thụ nước:.....	12
6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:.....	12
6.5. Chính sách liên quan đến người lao động.	12
6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.	13
6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không	13
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	13
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	13
2. Tình hình tài chính.....	15
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.	16
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:.....	16
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	16
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.....	16
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:	16
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:	16
V. Quản trị công ty	17
1. Hội đồng quản trị	17
2. Ban Kiểm soát	21
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	23
VI. Báo cáo tài chính	24
1. Ý kiến kiểm toán:	24
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán	25

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng số 1: Cơ cấu lao động..... 9

Bảng số 2: Tình hình tài chính 10

Bảng số 3: Chỉ tiêu tài chính chủ yếu..... 10

Bảng số 4: Cơ cấu cổ đông..... 11

Bảng số 5: Tình hình tài sản..... 15

Bảng số 6: Tình hình công nợ 15

Bảng số 7: Các quyết định, nghị quyết của HĐQT năm 2016 20

Bảng số 8: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát 24

Bảng số 9: Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ..... 24

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Điện nước An Giang
- Giấy đăng ký doanh nghiệp số 1600249791 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 28 tháng 03 năm 2011, thay đổi lần thứ 4 ngày 10 tháng 08 năm 2016

- Vốn điều lệ: 486.600.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi sáu tỷ sáu trăm triệu đồng)

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 486.600.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi sáu tỷ sáu trăm triệu đồng)

- Địa chỉ: Số 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

- Số điện thoại: 0296.3856100

- Số fax: 0296.3857800

- Website: <http://diennuocag.com.vn/>

- Mã cổ phiếu (nếu có): DNA

Quá trình hình thành và phát triển

Tháng 12/1993, Ban quản lý và Phát triển Điện Nông thôn được thành lập trực thuộc Ủy ban Kế hoạch tỉnh An Giang có nhiệm vụ triển khai thi công đường dây cao thế 110KV đến Châu Đốc và đường dây 35KV về đến tất cả các huyện thị. Năm 1995, Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang giao thêm nhiệm vụ phát triển nước sạch nông thôn và đổi tên gọi Ban Quản Lý và Phát triển Điện Nước Nông thôn An Giang.

Tháng 11/1996, chuyển thành Công ty Điện Nước An Giang với nhiệm vụ cung cấp điện nước phục vụ cho người dân theo Quyết định thành lập Công ty số 1570/QĐ.UBND ngày 18/11/1996 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh An Giang.

Theo Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 4/8/2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang, Công ty Điện nước An Giang tiến hành cổ phần hóa.

Ngày 25/3/2011, Công ty Cổ phần Điện nước An Giang đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất và chính thức hoạt động từ ngày 01/04/2011 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư An Giang cấp lần đầu ngày 28/3/2011 và thay đổi lần thứ tư ngày 10/8/2016.

Từ đó đến nay, mức vốn điều lệ của công ty không thay đổi vẫn giữ nguyên là 486.600.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi sáu tỷ, sáu trăm triệu đồng)

Năm 2016, Công ty đã thực hiện đăng ký công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất truyền tải và phân phối điện; Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Lắp đặt hệ thống điện; Kinh doanh, lắp đặt thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời, pin mặt trời;...

- Địa bàn kinh doanh: Địa bàn kinh doanh của Công ty chủ yếu là ở tỉnh An Giang.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Cơ cấu bộ máy quản lý

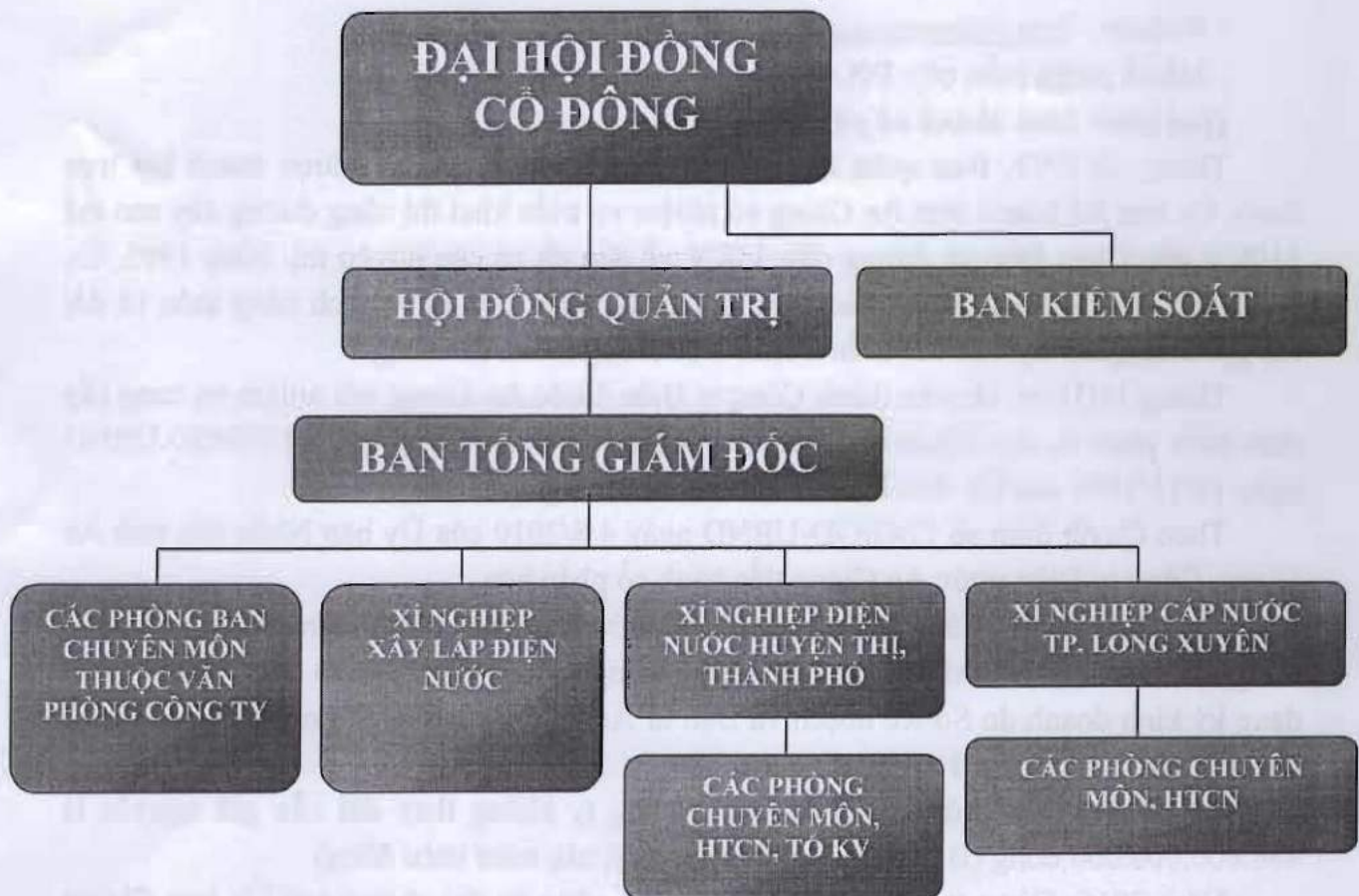
Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm: Khối văn phòng Công ty và các đơn vị Xí nghiệp trực thuộc.

- Khối văn phòng Công ty: gồm 14 phòng, ban chức năng.
- Khối Xí nghiệp gồm 12 đơn vị:
 - + 10 Xí nghiệp Điện Nước huyện, thị, thành;
 - + Xí nghiệp Cấp nước TP. Long Xuyên;
 - + Xí nghiệp Xây lắp Điện Nước.

3.2. Mô hình quản trị

Sơ đồ số 1: Mô hình quản trị



(Nguồn: CTCP Điện nước An Giang)

⚡ Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban như sau:

▪ **Đại hội đồng cổ đông:**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty, quyết định mọi vấn đề quan trọng của công ty theo quy định của pháp luật và theo Điều lệ của công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra HĐQT và Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ 05 năm.

▪ **Hội đồng quản trị:**

Hoạt động kinh doanh và các công việc của công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Theo điều lệ công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của công ty.

HĐQT hiện nay gồm 07 thành viên:

- | | |
|--------------------------|--|
| 1. Ông: Lương Văn Bạ | Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông: Lê Thành Bửu | Thành viên kiêm Tổng Giám đốc |
| 3. Ông: Trần Thanh Hoàng | Thành viên chuyên trách |
| 4. Ông: Lâm Thành Quang | Thành viên chuyên trách |
| 5. Ông: Trần Nhất Trí | Thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc XN Cấp nước TP. Long Xuyên |
| 6. Ông: Lê Việt Anh | Thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc |
| 7. Ông: Nguyễn Tuấn Huy | Thành viên kiêm Giám đốc XN Điện Nước huyện Thoại Sơn |

▪ **Ban kiểm soát:**

Do Đại Hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động của công ty. Ban Kiểm soát hiện nay gồm 03 thành viên:

- | | |
|-----------------------------|--------------|
| 1. Ông: Đặng Chánh Nghĩa | - Trưởng ban |
| 2. Ông: Lê Phúc Nhuận | - Thành viên |
| 3. Bà: Nguyễn Thị Ngọc Châu | - Thành viên |

▪ **Ban Tổng Giám đốc:**

Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc. Ban Tổng Giám đốc là bộ phận giúp việc cho Chủ tịch HĐQT Công ty. Chủ tịch HĐQT Công ty có trách nhiệm điều hành hoạt động của Ban Tổng giám đốc và có thể giao cho các thành viên trong Ban Tổng giám đốc thay mặt mình quản lý, giải quyết hoặc thực hiện bất kỳ một công việc hoặc mảng công việc của công ty

▪ **Các phòng ban chuyên môn thuộc văn phòng công ty và các chi nhánh của công ty**

- Công ty bao gồm: 01 Văn phòng công ty và 12 XN trực thuộc.
- Văn phòng công ty: có 14 phòng, ban gồm:
 - + Phòng Kế hoạch – Kinh doanh;
 - + Phòng Kế toán;
 - + Phòng Kỹ thuật điện;
 - + Phòng Kỹ thuật nước;
 - + Phòng An toàn Điện Nước và Môi Trường;
 - + BQL Dự án Đầu tư – Xây dựng;
 - + BQL dự án Hệ thống thoát nước và Xử lý nước thải TP. Châu Đốc;
 - + BQL dự án Hệ thống thoát nước và Xử lý nước thải TP. Long Xuyên;
 - + Phòng Vật tư;
 - + Phòng Công nghệ thông tin;
 - + Phòng Tổ chức - Lao động - Tiền lương;

- + Phòng Chống Thất thoát - Thất thu Điện nước;
- + Phòng Pháp Chế;
- + BQL khu biệt thự vườn Châu Đốc Núi Sam.
- Khối Xí nghiệp: bao gồm 12 XN trực thuộc:
 - + XN Cấp Nước TP. Long Xuyên: kinh doanh trên địa bàn TP.Long Xuyên;
 - + XN Điện Nước TP.Châu Đốc: kinh doanh trên địa bàn TP.Châu Đốc;
 - + XN Điện Nước Châu Phú: kinh doanh trên địa bàn huyện Châu Phú;
 - + XN Điện Nước huyện Chợ Mới: kinh doanh trên địa bàn huyện Chợ Mới;
 - + XN Điện Nước huyện Phú Tân: kinh doanh trên địa bàn huyện Phú Tân;
 - + XN Điện Nước huyện An Phú: kinh doanh địa bàn huyện An Phú;
 - + XN Điện Nước Tịnh Biên: kinh doanh trên địa bàn huyện Tịnh Biên;
 - + XN Điện Nước huyện Tri Tôn: kinh doanh trên địa bàn huyện Tri Tôn;
 - + XN Điện Nước TX. Tân Châu: kinh doanh trên địa bàn TX. Tân Châu;
 - + XN Điện Nước Châu Thành: kinh doanh trên địa bàn huyện Châu Thành;
 - + XN Điện Nước Thoại Sơn: kinh doanh trên địa bàn huyện Thoại Sơn;
 - + XN Xây Lắp Điện Nước: xây lắp các công trình điện nước.

3.3. Các công ty con và công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Không ngừng phát triển, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm phát triển bền vững công ty và tối đa hoá lợi nhuận của cổ đông, nâng cao giá trị thương hiệu công ty, cải thiện đời sống, điều kiện làm việc và thu nhập cho người lao động, làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Đào tạo, nâng cao trình độ cán bộ công nhân viên cấp quản lý, nâng cao ý thức làm việc cũng như tay nghề của lực lượng người lao động.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

+ Tuân thủ theo quy định đối với việc bảo vệ môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, tạo công ăn việc làm và chế độ phúc lợi cho người lao động.

5. Các rủi ro

⚡ Rủi ro kinh tế:

Nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro được hình thành từ sự biến động của các nhân tố kinh tế cơ bản như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Các doanh nghiệp, với vai trò là một trong các chủ thể của nền kinh tế cũng không nằm ngoài sự tác động của các nhân tố trên.

Trong bối cảnh kinh tế thế giới hồi phục khó khăn, rủi ro nhiều, kinh tế Việt Nam đã có những dấu hiệu cải thiện cả ở góc độ sản xuất kinh doanh cũng như ổn định kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn chứa đựng nhiều thách thức khi ổn định kinh tế chưa bền vững, phục hồi không đều, tăng trưởng dựa nhiều vào khu vực FDI.

Mặt khác, vào đúng thời điểm Việt Nam đẩy mạnh tiến trình hội nhập đến mức sâu sắc thì cục diện kinh tế chính trị quốc tế diễn ra những điều ngoài ý muốn. Trước mắt, nó

sẽ làm tăng tính bất định, và chỉ riêng điều đó đã tác động tiêu cực đến việc đầu tư, kinh doanh, tiêu dùng ...

⚡ Rủi ro luật pháp:

Việt Nam đang đẩy mạnh tiến trình hội nhập, điều này khiến môi trường kinh doanh của các Doanh nghiệp cũng thay đổi nhiều. Đòi hỏi các doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần Điện nước An Giang nói riêng phải nhận thức được những thông tin pháp lý, chính sách thỏa thuận cam kết quốc tế cũng như những thay đổi dự kiến trong chính sách pháp luật quốc gia, để thích ứng kịp thời sự hội nhập, cạnh tranh, phát triển.

Pháp luật và các chính sách của Việt Nam thường xuyên có những thay đổi để phù hợp với thực tiễn, phù hợp với thông lệ quốc tế. Hàng loạt các thay đổi về cơ chế, chính sách pháp luật kinh doanh trọng yếu vừa qua và sắp tới cũng đòi hỏi Công ty phải có sự chuyển đổi cơ chế, chính sách nội bộ của mình.

Ngoài ra, trong năm 2016 Công ty cổ phần Điện nước An Giang đã trở thành công ty đại chúng quy mô lớn. Vì vậy, ngoài việc hoạt động tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp thì hoạt động của Công ty còn bị điều chỉnh bởi các văn bản liên quan đến thị trường Chứng khoán.

Ngoài các chính sách kinh tế, chính trị, xã hội nói chung ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì Công ty còn chịu sự quản lý, chi phối của các hiệp hội... Do đó, mỗi sự thay đổi của chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến hoạt động của Công ty,... sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro tới quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Để tồn tại và phát triển đòi hỏi Công ty phải tiếp tục tìm kiếm sáng tạo những định hướng mới, sản phẩm mới, dịch vụ mới trong hoạt động kinh doanh.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

– Những chỉ tiêu đã đạt được:

STT	Tiêu chí	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	% tăng /giảm
1	Sản lượng điện tiêu thụ	kWh	602.736.919	639.242.934	106.06%
2	Tỷ lệ hao hụt điện	%	5.57	5.68	0.11
3	Phát triển khách hàng điện	hộ	24.217	17.050	70.41%
4	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	64.140.828	67,681,769	105.52%
5	Tỷ lệ hao hụt nước	%	22.6	21.17	(1.43)
6	Phát triển khách hàng nước	hộ	23.834	22,627	94.94%

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

⚡ Danh sách Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Thành Bửu	Tổng Giám đốc
2	Trần Nhật Trí	Phó Tổng Giám đốc
3	Lê Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc
4	Trương Văn Nghiệm	Kế toán trưởng

➤ **Lý lịch thành viên Ban điều hành:**

LÊ THÀNH BỬU

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 26/02/1960
- CMND: 350009449; Ngày cấp: 19/09/2008; Nơi cấp: CA An Giang.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Khóm 4, phường Mỹ Long, Tp. Long Xuyên, An Giang;
- Trình độ văn hóa: TNPT
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật
- Quá trình công tác:

Từ 1984 – 1990	Phó phòng Kế hoạch Vật tư, Trưởng phòng Tài vụ Kinh doanh, Trưởng phòng TC-HC Công ty Nhà đất Công trình công cộng tỉnh An Giang
Từ 1990 – 1994	Phó Giám đốc Cty Cấp nước đô thị An Giang
Từ 1994 – 2001	Giám đốc Cty Cấp nước đô thị An Giang
Từ 2001 – 03/2011	Phó Giám đốc Cty Điện nước An Giang
Từ 3/2011 – 10/2013	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty, kiêm Giám đốc XN Cấp nước TP Long Xuyên
Từ 11/2013-06/2016	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang
Từ 06/2016 - nay	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 6.591.295 cổ phần, chiếm tỷ lệ 13,55% vốn điều lệ.

Trong đó:

- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 13.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,03% vốn điều lệ.
- + Cổ phần đại diện sở hữu: 6.577.995 cổ phần, chiếm tỷ lệ 13,52% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 46.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,1% vốn điều lệ

Trong đó:

- + Vợ: Bùi Thị Nguyệt, cổ phần sở hữu cá nhân: 46.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,1% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

TRẦN NHẤT TRÍ

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/12/1970
- CMND: 352026491; Ngày cấp: 2/11/2006; Nơi cấp: CA. An Giang

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 9A Đề Thám, P. Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang
- Trình độ văn hóa: TNPT
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Từ 1994 – 2002	Chuyên viên phòng Kế hoạch – Kinh doanh
Từ 2003 – 2004	Phó phòng Kế hoạch – Kinh doanh
Từ 2005 – 03/2011	Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh
Từ 4/2011 – 2013	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty, kiêm Giám đốc XN Điện nước TP Châu Đốc
Từ 2014 – nay	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty, kiêm Giám đốc XN Cấp nước TP Long Xuyên

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty, kiêm Giám đốc XN Cấp nước TP Long Xuyên

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 4.396.930 cổ phần, chiếm tỷ lệ 9,04% vốn điều lệ.
- Trong đó:
 - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 11.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02% vốn điều lệ.
 - + Cổ phần đại diện sở hữu: 4.385.330 cổ phần, chiếm tỷ lệ 9,01% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 1.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0026% vốn điều lệ

Trong đó:

+ Vợ: Nguyễn Ngọc Bích, cổ phần sở hữu cá nhân: 1.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0026% vốn điều lệ.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

LÊ VIỆT ANH

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 15/5/1972
- CMND: 351012816; Ngày cấp: 17/06/1999; Nơi cấp: CA. An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: TT. An Châu, huyện Châu Thành, An Giang
- Trình độ văn hóa: TNPT
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- Quá trình công tác:

Từ 1995 – 2000	Chuyên viên phòng Kinh doanh
Từ 2001 – 2003	Phó phòng Kinh doanh
Từ 2003 – 2004	Quyền Trưởng phòng Kinh doanh
Từ 2004 – 10/2005	Giám đốc Xi nghiệp Điện Nước huyện Châu Thành

Từ 11/2005 – 03/2011	Giám đốc Xí nghiệp Điện Nước huyện Phú Tân
Từ 04/2011-12/2012	Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Xí nghiệp Điện Nước huyện Phú Tân
Từ 2013 - 8/2014	Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Xí nghiệp Điện Nước huyện Chợ Mới
Từ 8/2014 – nay	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

- Số cổ phần nắm giữ: 4.499.730 cổ phần, chiếm tỷ lệ 9,25% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 114.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ .0,24....% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 4.385.330 cổ phần, chiếm tỷ lệ ..9,01....% vốn điều lệ

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

TRƯƠNG VĂN NGHIỆM

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 01/05/1971

- CMND: 352240364; Ngày cấp: 13/11/2009; Nơi cấp: CA. An Giang

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 521E Võ Thị Sáu, P. Mỹ Xuyên, Long Xuyên, An Giang

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán; .Thạc sĩ kinh tế - Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

1996 - 1999	Chuyên viên phòng kế toán Công ty Điện Nước An Giang
1999 đến 2012	Phó phòng kế toán Công Ty ĐN An Giang
2012 đến nay	Kế toán trưởng Công ty CP Điện Nước An Giang

- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

- Số cổ phần nắm giữ: 5.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 2000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,004% vốn điều lệ

Trong đó:

+ Vợ : Lê Ngọc Thuận, số cổ phần nắm giữ : 2.000 cp, chiếm tỉ lệ : 0,004 % vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

2.2. *Những thay đổi trong ban điều hành:* Không có

2.3. *Số lượng cán bộ, nhân viên.* Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Bảng số 1: Cơ cấu lao động

Cơ cấu lao động	Số người	Tỷ lệ (%)
Phân theo trình độ lao động	1.360	100%
Đại học và trên đại học	256	18,82%
Cao đẳng, Trung cấp	530	38,97%
Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	359	26,39%
Tốt nghiệp phổ thông	215	15,80%
Phân theo loại hợp đồng lao động	1.360	100%
- Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	0	-
- Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	1.124	82,65%
- Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 đến 36 tháng	135	9,93%
- Lao động làm việc theo HĐLĐ dưới 12 tháng.	101	7,42%
Phân loại theo giới tính	1.360	100%
- Nam	1.128	82,94%
- Nữ	232	17,06%

✦ Chính sách lương thưởng:

Công ty xây dựng chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. Xây dựng quỹ tiền lương theo đúng quy định của Nhà nước (xây dựng mức tiền lương theo năng suất lao động).

Nhằm khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng năng suất lao động và hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng định kỳ và thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể có những đóng góp thiết thực vào kết quả hoạt động chung.

Công ty trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo đúng quy định của pháp luật. Công ty luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty hoạt động hiệu quả. Hàng năm, cán bộ công nhân viên Công ty đều được hưởng chế độ vào các dịp lễ, tết.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: Không có
 b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

Bảng số 2: Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm/
Tổng giá trị tài sản	2.309.931.352.420	2.591.642.343.476	12.20%
Doanh thu thuần	1.401.499.158.174	1.532.023.645.976	9.31%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	129.145.449.521	133.175.406.018	3.12%
Lợi nhuận khác	6.630.432.787	4.975.173.198	-24.96%
Lợi nhuận trước thuế	135.775.882.308	138.150.579.216	1.75%
Lợi nhuận sau thuế	108.661.090.779	110.277.473.494	1.49%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/vốn điều lệ	15%	15%	0%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Bảng số 3: Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2017	31/12/2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	0,87	0,97
+ Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,71	0,84
+ Hệ số thanh toán tiền mặt	lần	0,05	0,22
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	27,93	26,26
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	37,27	33,04
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	lần	21,37	26,52
+ Vòng quay tổng tài sản	lần	0,66	0,63
+ Vòng quay tài sản cố định	lần	1,72	1,92
+ Vòng quay các khoản phải thu	lần	10,46	10,50
+ Vòng quay các khoản phải trả	lần	4,48	4,80
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	7,75	7,20
+ Hệ số lợi nhuận Gộp/ Doanh thu thuần	%	21,24	20,64
+ Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	9,21	8,69
+ Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	6,46	5,66
+ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	4,70	4,26
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng/cp	1.906	1.829

Các chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2017	31/12/2018
+ Giá trị sổ sách của cổ phần	Đồng/cp	34.582	39.680

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**a) Cổ phần**

- Tổng số cổ phần: 48.660.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 48.410.000 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật,

Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 250.000 cổ phiếu.

b) Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 29/5/2018**Bảng số 4: Cơ cấu cổ đông**

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1	Cổ đông trong nước			
1.1	Tổ chức:		44.713.300	91.89%
	Cổ đông Nhà nước	1	43.853.300	90.12%
	Cổ đông chiến lược	8	860.000	1.77%
1.2	Cá nhân:		3.943.800	8.104%
	Cổ đông ngoài	37	374.600	0.77%
	Cổ đông trong Công ty	600	3.569.200	7.33%
2	Cổ đông nước ngoài		00	0.006%
2.1	Tổ chức	01	2.900	0.006%
2.2	Cá nhân	00	00	
3	Cổ phiếu quỹ	00	00	
	Tổng Cộng	647	48.660.000	100%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Nội dung	Số lượng số phần trước khi thay đổi	Số lượng số phần thay đổi trong kỳ	Số lượng số phần sau khi thay đổi	Lý do thay đổi
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu:				
- Cổ đông Nhà nước	43.853.300	1.167.000	42.686.300	Nhà nước thực hiện thoái vốn nhà nước đầu tư tại Công ty

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

STT	Tên nguyên vật liệu chính	ĐVT	Lượng sử dụng
1	Phèn PAC	Kg	967.666
2	Clor (bột + lỏng)	Kg	164.850
3	Điện SX	kWh	26.220.118
4	Dầu DO (chạy MFĐ)	lít	37.175

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

+ Điện SX (điện lưới quốc gia): 26.220.118 kWh

+ Điện SX (quy đổi từ chạy MFĐ): 111.525 kWh

Tổng nguồn năng lượng tiêu thụ : 26.331.643 kWh

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Điện SX từ nguồn Năng lượng mặt trời lắp đặt tại HTCN Tri Tôn (Công suất 20KWp, vận hành từ tháng 04/2018) : 24.300 kWh

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nguồn cung cấp nước: Chủ yếu khai thác nguồn nước mặt sông Tiền, sông Hậu và các kênh, rạch trên địa bàn tỉnh An Giang;

- Tổng lượng nước khai thác: 85.853.101 m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động.

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Năm	2016	2017	2018
Lao động bình quân (người)	1.335	1.350	1.360
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	7.100.000	7.700.000	7.800.000

(Nguồn: CTCP Điện nước An Giang)

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Thời gian làm việc: 8h/ngày, 44 giờ/tuần, nghỉ trưa 2h00. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản. CBCNV được nghỉ lễ và tết 10 ngày theo quy định của Luật Lao động. Đối với CBCNV làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 06 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định còn được hưởng thêm lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBCNV

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động của Công ty. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đưa ra những tiêu chuẩn riêng song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như có trình độ chuyên môn cơ bản phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Công ty, nhiệt tình và ham học hỏi, yêu thích công việc và chủ động sáng tạo trong công việc. Đối với các vị trí quan trọng, việc tuyển dụng chặt chẽ hơn với các yêu cầu về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và tác nghiệp độc lập trình độ về ngoại ngữ và tin học.

Công ty cũng dành chính sách lương, thưởng và những chế độ đãi ngộ cao cho các nhân viên giỏi, có trình độ học vấn cao và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến ngành nghề hoạt động của Công ty nhằm một mặt tạo tâm lý ổn định cho nhân viên và mặt khác để tập hợp, thu hút nguồn nhân lực giỏi về làm việc cho Công ty.

Bên cạnh đó, hàng năm đơn vị cũng luôn xây dựng kế hoạch, thực hiện đào tạo và đào tạo lại tay nghề trình độ cho người lao động bằng nhiều hình thức, nhằm phát triển đội ngũ cán bộ công nhân viên đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa ngành nghề của Công ty, theo kịp trình độ công nghệ của các nước tiên tiến trên thế giới.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:
Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Năm 2018, Công ty đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã giao. Đảm bảo quỹ tiền lương của người lao động được chi trả theo kế hoạch. Cụ thể:

a- Về Kết quả kinh doanh:

TT	NỘI DUNG	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	So kế hoạch 2018 (%)	So cùng kỳ (%)
1	Tổng doanh thu (đồng)	1,466,350,000,000	1,542,424,671,050	105,19	109,03
2	Lợi nhuận trước thuế (đồng)	137,344,000,000	138,150,579,216	100,59	101,75
3	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ (%)	28.23	28.39	0.17	0.49

b- Về thực hiện các chỉ tiêu SX-KD:

TT	NỘI DUNG	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	So kế hoạch 2018 (%)	So cùng kỳ (%)
1	Sản lượng điện mua (kWh)	662,246,000	677,746,988	102.34	106.18
2	Sản lượng điện bán (kWh)	620,500,000	639,242,934	103.02	106.06
3	Hao hụt điện (%)	6.30	5.68	(0.62)	0.11
4	Phát triển khách hàng điện (hộ)	10,800	17,050	157.87	70.41
5	Sản lượng sản xuất (m ³)	85,249,000	85,853,101	100.71	103.60
6	Sản lượng tiêu thụ (m ³)	66,150,000	67,681,769	102.32	105.52
7	Hao hụt nước (%)	22.40	21.17	(1.24)	(1.43)
8	Phát triển khách hàng nước (hộ)	12,700	22,627	178.17	94.94

1.2. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

- Trong năm 2018, các Xí nghiệp và Văn phòng Công ty đã có sự nỗ lực rất lớn, góp phần cùng Công ty cơ bản thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên giao. Đảm bảo quỹ tiền lương của người lao động được chi trả theo kế hoạch. Được thể hiện qua những kết quả như sau:

+ Doanh thu, lợi nhuận và nộp ngân sách đều đạt vượt chỉ tiêu nghị quyết.

+ Công tác phát triển khách hàng điện, nước; Sản lượng điện bán; Sản lượng nước tiêu thụ; Tỷ lệ thất thoát điện nước đều thực hiện đạt và vượt mức chỉ tiêu kế hoạch, tăng cao so với cùng kỳ năm 2017.

- Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành những chủ trương phù hợp với tình hình và điều kiện, khả năng Công ty, đáp ứng những yêu cầu thực tế trong việc đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty; Sự chỉ đạo sâu sát, quyết liệt và kịp thời xử lý những vướng mắc, trở ngại trong quá trình sản xuất kinh doanh của Ban điều hành Công ty;

- Công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh của các Xí nghiệp ngày càng tiến bộ, linh hoạt, phát huy tốt các hệ thống điện nước theo hiện trạng sẵn có, đáp ứng nhu cầu sử dụng ngày càng tăng của khách hàng; công tác vận động nhân dân, địa phương

góp sức cùng Công ty đầu tư đường dây hạ thế, mạng ống cấp nước được các Xí nghiệp thực hiện tốt, góp phần tăng số hộ sử dụng điện nước và tăng sản lượng;

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản: **Bảng số 5: Tình hình tài sản năm 2018**

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng/ giảm
Tài sản ngắn hạn	272.041.370.724	308.491.619.148	13.40%
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	14.620.663.531	68.731.446.273	470%
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	144.639.303.082	165.455.691.636	14.39%
<i>Phải thu khách hàng</i>	138.215.512.776	147.141.487.627	6.46%
<i>Trả trước cho người bán</i>	71.500.000	12.604.935.847	
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	6.314.149.533	5.671.127.389	-10.18%
3. Hàng tồn kho	50.123.423.702	41.552.878.050	-17.10%
4. Tài sản ngắn hạn khác	11.453.660.021	10.690.800.489	-6.66%
Tài sản dài hạn	2.037.889.981.696	2.283.150.724.328	12.04%
1. Các khoản phải thu dài hạn	111.866.271.672	0	-100%
2. Tài sản cố định	805.096.195.373	787.709.217.825	-2.16%
3. Tài sản dở dang dài hạn	1.052.575.501.507	1.400.797.470.083	33.08%
4. Đầu tư tài chính dài hạn	1.495.367.546	2.084.040.000	39.37%
5. Tài sản dài hạn khác	66.856.645.598	92.559.996.420	38.45%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty)

b) Tình hình nợ phải trả: **Bảng số 6: Tình hình công nợ**

NỢ PHẢI TRẢ	Năm 2017 (Đồng)	Năm 2018 (Đồng)
A. NỢ PHẢI TRẢ	627.158.563.166	643.659.330.312
I. Nợ ngắn hạn	311.432.034.387	319.270.149.872
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	74.205.912.168	73.517.646.775
2. Phải trả cho người bán ngắn hạn	14.271.380.204	39.465.399.849
3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12.136.609.143	6.289.579.110
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	29.222.667.431	32.253.164.717
5. Phải trả người lao động	12.572.695.574	16.610.572.823
6. Chi phí phải trả	53.150.026.776	65.915.143.475
7. Phải trả ngắn hạn khác	105.042.146.534	68.680.228.739
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	10.830.596.557	16.538.414.384
II. Nợ dài hạn	315.726.528.779	324.389.180.440

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2018 của Công ty)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Những tiến bộ về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Bộ máy điều hành và lãnh đạo gọn nhẹ, trực tiếp. Dưới Ban Giám đốc có các phòng, ban với chức năng và nhiệm vụ công việc cụ thể với sự giám sát và điều hành sát sao của các trưởng bộ phận. Chính sách của công ty đảm bảo theo đúng luật định hiện hành của nhà nước Việt Nam, chính sách nhân sự nhằm thúc đẩy hoạt động của Công ty. Chính sách trả lương cho nhân viên theo năng lực làm việc và chế độ đãi ngộ tốt đã giúp công ty tuyển dụng được những nhân sự có năng lực thực sự, có tâm huyết làm việc cho công ty.

Các biện pháp kiểm soát: công ty có Ban kiểm soát gồm các thành viên độc lập, giám sát hoạt động tài chính cũng như quản lý của công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo các phòng, ban Công ty xây dựng các kế hoạch hành động phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty nhằm tư vấn, giám sát việc thực hiện chiến lược và hạn chế rủi ro.

Phân tích thông tin, đánh giá dự báo xu hướng phát triển các lĩnh vực hoạt động, từ đó hạn chế rủi ro đầu tư trong những năm kế tiếp, đảm bảo phát triển ổn định và bền vững.

Tập trung hoàn thiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2018 tới các phòng ban trong toàn hệ thống.

Giám sát việc thực hiện các quy chế quản trị, các quy định do Hội đồng quản trị ban hành và tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, của các cơ quan chức năng. Hội đồng quản trị đã tổ chức 10 cuộc họp Hội đồng quản trị, qua đó đã ban hành 12 Nghị quyết/Quyết định liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:

Hội đồng quản trị nhận thấy Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo điều lệ Công ty; đã tổ chức thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018, các Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

Trong quá trình điều hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tuân thủ nghiêm chỉnh đúng các quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Tiếp tục kiểm tra, giám sát Ban Tổng Giám đốc Công ty phát huy hơn nữa hiệu quả sản xuất kinh doanh, thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và Nghị quyết do Hội đồng quản trị Công ty ban hành.

Tiếp tục sắp xếp, bố trí tinh gọn bộ máy nhân sự, chọn lọc nhân sự có năng lực để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; nâng cao năng lực quản lý của bộ máy điều hành Công ty, tăng cường kiểm tra giám sát và kịp thời chỉ đạo các hoạt động của Ban Lãnh đạo Công ty.

Có chương trình, kế hoạch cụ thể thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giảm chi phí sản xuất.

Đẩy mạnh công tác quản lý, nâng cao chất lượng dịch vụ và phong cách phục vụ chuyên nghiệp để tạo ấn tượng tốt đẹp về Công ty.

Tuân thủ Pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty và Quy chế quản trị nội bộ Công ty, chỉ đạo kịp thời, hiệu quả việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Tiếp tục xây dựng tầm nhìn, kế hoạch chiến lược phát triển Công ty đến năm 2020.

V. Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Điện nước An Giang có 07 (bảy) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm (2016-2021). Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị của Công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Lương Văn Bạ	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Không điều hành
2	Trần Thanh Hoàng	Thành viên Hội đồng quản trị	Không điều hành
3	Lê Thành Bửu	Thành viên Hội đồng quản trị	Tổng Giám đốc
4	Lâm Thành Quang	Thành viên Hội đồng quản trị	Không điều hành
5	Trần Nhất Trí	Thành viên Hội đồng quản trị	Phó Tổng Giám đốc
6	Lê Việt Anh	Thành viên Hội đồng quản trị	Phó Tổng Giám đốc
7	Nguyễn Tuấn Huy	Thành viên Hội đồng quản trị	Không điều hành

↳ Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị:

LƯƠNG VĂN BẠ

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 15/11/1969
- CMND: 350860163; Ngày cấp: 09/6/2014; Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 142/1 Thoại Ngọc Hầu, P. Mỹ Long, TP long Xuyên, tỉnh An Giang
- Trình độ văn hóa: TNPT
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, cử nhân kinh tế chính trị

Quá trình công tác:

Từ 1995 – 1997	Phó phòng Kỹ thuật điện Cty Điện Nước An Giang
Từ 1997 – 2004	Trưởng phòng Kỹ thuật điện Cty Điện Nước An Giang
Từ 2004 – 2006	Giám đốc XN Điện nước huyện Chợ Mới - Cty Điện Nước An Giang

Từ 2007 – 3/2011	Phó Giám đốc Cty Điện Nước An Giang
Từ 3/2011-6/2016	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang
Từ 6/2016-nay	Chủ tịch HĐQT Cty CP Điện Nước An Giang

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 28.526.145 cổ phần, chiếm tỷ lệ 58,62% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 21.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ .0,04 % vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 28.504.645 cổ phần, chiếm tỷ lệ 58,58% vốn điều lệ

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 133.100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,274% vốn điều lệ

Trong đó:

+ Vợ: Trần Thị Thanh Tuyên, sở hữu cá nhân : 118.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,24% vốn điều lệ.

+ Chị ruột : Lương Thị Kim Hiên , sở hữu cá nhân : 8.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02% vốn điều lệ.

+ Em ruột : Lương Thị Cẩm Bình , sở hữu cá nhân : 3.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ.

+ Em rể: Lê Thành Út, sở hữu cá nhân : 2.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,004% vốn điều lệ.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

TRẦN THANH HOÀNG

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 13/02/1950
- CMND: 350002786; Ngày cấp: 21/09/2010; Nơi cấp: CA An Giang.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 67 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang
- Trình độ văn hóa: TNPT
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư đô thị

Quá trình công tác:

Từ 1993 – 1996	Trưởng BQL Điện nước tỉnh An Giang
Từ 1997-3/2011	Giám đốc Cty Điện Nước An Giang
Từ 3/2011-nay	Thành viên HĐQT Cty CP Điện Nước An Giang

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT (không điều hành)
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 103.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,21% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 103.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,21% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 24.700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,05% vốn điều lệ

Trong đó:

+ Con ruột : Trần Thị Thanh Phương ,cổ phần sở hữu cá nhân: 24.700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,05% vốn điều lệ.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

LÂM THÀNH QUANG

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 10/10/1953

- CMND: 350002852; Ngày cấp: 21/12/2005; Nơi cấp: CA An Giang

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 5/2B Thủ Khoa Nghĩa, P.Mỹ Bình,Long Xuyên, An Giang

- Trình độ văn hóa: TNPT

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

Từ 03/1973 – 30/4/1975	Tham gia phong trào HSSV và tham gia biệt động thành phố Long Xuyên và thị đội Long Xuyên
Từ 07/1975 – 12/1979	Công tác tại Ban Thi đua Khen thưởng tỉnh An Giang
Từ 01/1980 – 4/1994	Văn phòng UBND tỉnh An Giang
Từ 4/1994 – 2011	Phó Giám đốc Cty Cấp nước đô thị An Giang
Từ 2001 – 03/2011	Phó Giám đốc Cty Điện nước An Giang, kiêm Giám đốc XN Cấp nước TP Long Xuyên
Từ 04/2011-10/2013	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty CP Điện Nước An Giang
Từ 11/2013-nay	Thành viên HĐQT Cty CP Điện Nước An Giang

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT (không điều hành)

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

- Số cổ phần nắm giữ: 4.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 4.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

NGUYỄN TUẤN HUY

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/01/1972
- CMND: 350974918; Ngày cấp: 11/10/2007; Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 257D/13 Trần Hưng Đạo, khóm Bình Khánh 3, phường Bình Khánh, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Trình độ văn hóa: TNPT
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Quá trình công tác:

Từ 1994 – 2004	Phó phòng Kế hoạch – Vật tư Cty Điện Nước AG
Từ 2004 – 3/2011	Phó BQLDA Cty Điện nước An Giang
Từ 4/2011-2012	Thành viên HĐQT, kiêm Phó BQLDA Cty Điện nước An Giang
Từ 2012 – nay	Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Xí nghiệp Điện Nước huyện Thoại Sơn

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Xí nghiệp Điện Nước huyện Thoại Sơn

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 6.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ.

Trong đó:

- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 6.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ.
- + Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Trong đó:

- + Vợ: Huỳnh Thị Trúc Chi, cổ phần sở hữu cá nhân: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

▪ **Các thành viên khác đã nêu trong phần lý lịch Ban điều hành**

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị : *Thư ký Hội đồng quản trị*

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Bảng số 7: Các quyết định, nghị quyết của HĐQT năm 2018

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
-----	---------------	------	----------

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ.HĐQT	18/01/2018	Kết quả họp Hội đồng quản trị (lần 1) 2018
2	02/NQ.HĐQT	21/03/2018	Kết quả họp Hội đồng quản trị (lần 2) 2018
3	03/NQ.HĐQT	24/04/2018	Kết quả họp Hội đồng quản trị (lần 3) 2018
4	04/NQ.HĐQT	17/05/2018	V/v Chi tạm ứng cổ tức năm 2017
5	05/NQ.HĐQT	22/05/2018	Kết quả họp Hội đồng quản trị (lần 4) 2018
6	06/NQ.HĐQT	22/05/2018	V/v Điều chỉnh DA HTCN Khu du lịch Núi Cấm, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang
7	07/NQ.HĐQT	12/07/2018	Kết quả họp Hội đồng quản trị (lần 5) 2018
8	08/NQ.HĐQT	22/08/2018	Kết quả họp Hội đồng quản trị (lần 6) 2018
9	09/NQ.HĐQT	22/08/2018	V/v Hạn mức tín dụng năm 2018
10	10/NQ.HĐQT	20/09/2018	Kết quả họp Hội đồng quản trị (lần 7) 2018
11	11/NQ.HĐQT	06/11/2018	Kết quả họp Hội đồng quản trị (lần 8) 2018
12	12/NQ.HĐQT	20/12/2018	Kết quả họp Hội đồng quản trị (lần 9) 2018

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát của Công ty có 03 (ba) thành viên. Các thành viên của ban kiểm soát có nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm, thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đặng Chánh Nghĩa	Trưởng Ban kiểm soát
2	Lê Phúc Nhuận	Thành viên BKS
3	Nguyễn Thị Ngọc Châu	Thành viên BKS

ĐẶNG CHÁNH NGHĨA

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 04/09/1953
- CMND: 351662584; Ngày cấp: 30/05/2001; Nơi cấp: CA. An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 9E0 Đinh Công Tráng, P.Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang.
- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Trung cấp Thống kê Kế toán

Quá trình công tác:

<i>Từ 1978 - 1989</i>	<i>Nhân viên Sở Kế hoạch & Đầu tư An Giang</i>
<i>1994 đến 1996</i>	<i>Kế toán trưởng Ban Quản Lý Điện Nông thôn tỉnh An Giang</i>
<i>1996 đến 2005</i>	<i>Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Điện Nước An Giang</i>
<i>2005 đến 2011</i>	<i>Phó ban Quản lý Dự án HTCN Châu Đốc</i>
<i>2011 đến nay</i>	<i>Trưởng ban kiểm soát Công Ty CP Điện Nước An Giang</i>

- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

- Số cổ phần nắm giữ: 10.600. cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02 % vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 10.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ ..0,02...% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

LÊ PHÚC NHUẬN

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 04/09/1954

- CMND: 350002790; Ngày cấp: 10/06/2011; Nơi cấp: CA. An Giang

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 9/1 Tổ 73, Trần Hưng Đạo, Khóm Đông Thịnh 5, P. Mỹ

Phước, Long Xuyên, An Giang

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

<i>1977 - 1994</i>	<i>Làm việc tại Ủy ban Kế hoạch Tỉnh AG</i>
<i>1994- 1999</i>	<i>Làm việc tại Công ty Du Lịch An Giang</i>
<i>1999 - 2011</i>	<i>Phó phòng Vật Tư - Cty CP ĐN An Giang</i>
<i>2011 đến nay</i>	<i>Thành viên Ban kiểm soát</i>

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

- Số cổ phần nắm giữ: 10.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 10.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂU

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 12/12/1972
- CMND: 351501113; Ngày cấp: 17/02/2009; Nơi cấp: CA. An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 14 C4 Dương Khuê, P. Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp kế toán doanh nghiệp, Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Từ 1999 đến 2011	Nhân viên Công ty Điện Nước An Giang
2011 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 4000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ.

Trong đó:

- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 4.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ.
- + Cổ phần đại diện sở hữu: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2018, BKS đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty.

BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc (BTGD) năm 2017, cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, BGD trong năm 2018;
- Tham gia ý kiến và đưa ra các kiến nghị với HĐQT, BTGD về các vấn đề liên quan tới hoạt động của công ty trong năm;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018 đối với HĐQT và BTGD;
- Thẩm tra báo cáo tài chính năm nhằm đánh giá trung thực và hợp lý các số liệu tài chính

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc,

Ban kiểm soát:

Bảng số 8: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch	Thực tế
1	Lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát	đồng	3.383.000.000	3.383.000.000
2	Quỹ khen thưởng của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát	đồng	400.000.000	400.000.000
	Tổng cộng			

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Bảng số 9: Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

T T	Tên người thực hiện giao dịch	Tên cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm (mua bán, chuyển đổi, thưởng,...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Trần Thị Thanh Tuyền	Lương Văn Bạ (CTHĐQT)	98.800	0,2	118.800	0,24	Mua bán
2	Bùi Thị Nguyệt	Lê Thành Bửu (TVHĐQT-TGD)	14.300	0,03	46.400	0,1	Mua bán
3	Trương Văn Nghiệm	Trương Văn Nghiệm (KTT)	4.600	0,01	5.000	0,01	Mua bán
4	Huỳnh Thị Trúc Chi	Nguyễn Tuấn Huy (TVHĐQT)	3500	0,00	0	0	Mua bán

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Hội đồng Quản trị Công ty luôn hoạt động đúng theo quy định của điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. Thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội Cổ đông thường niên 2017, bám sát định hướng, chiến lược và tình hình thực tế để đưa ra các quyết sách, quyết định, các chỉ đạo chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất của Công ty.

Công ty tuân thủ đúng quy định về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng. Tình hình nộp ngân sách nhà nước về thuế, BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động được thực hiện đúng theo quy định;

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Điện Nước An Giang tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bao gồm: **Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ** (theo phương pháp gián tiếp); **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

(Chi tiết báo cáo tài chính đính kèm)

Địa chỉ công bố thông tin Báo cáo tài chính: <http://diennuocag.com.vn/>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Lương Văn Bạ

Số:/BC.HĐQT

An Giang, ngày 11 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
Năm 2018

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG (tên viết tắt POWACO)
- Địa chỉ trụ sở: số 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Điện thoại: 02963.856100 ; Fax: 02963.857800
- Email: ctydn_ag@yahoo.com.vn; Website: www.diennuocag.com.vn
- Vốn điều lệ: 486.600.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi sáu tỷ, sáu trăm triệu đồng đồng);
- Mã chứng khoán: DNA

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông:

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018:

STT	Số Nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung
1/NQ-HĐQT	13/06/2018	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

II. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

T T	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ %	Lý do không tham dự
1	Lương Văn Bạ	Chủ tịch Hội đồng quản trị	10/10	100%	
2	Trần Thanh Hoàng	Thành viên	10/10	100%	
3	Lê Thành Bửu	Thành viên	10/10	100%	
4	Lâm Thành Quang	Thành viên	10/10	100%	
5	Trần Nhất Trí	Thành viên	10/10	100%	
6	Lê Việt Anh	Thành viên	10/10	100%	
7	Nguyễn Tuấn Huy	Thành viên	10/10	100%	

2. Đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2018:

Trong năm qua, Người đại diện vốn Nhà nước tại Công ty đã cùng HĐQT, Ban lãnh đạo Công ty, Ban kiểm soát, Kế Toán trưởng và các Xí nghiệp trực thuộc luôn đoàn kết, giữ gìn kỷ luật, kỷ cương, xây dựng chiến lược, sách lược, đề ra nhiều biện pháp, giải pháp phù hợp, kịp thời, kiểm tra việc thực hiện các hoạt động Công ty và đã nỗ lực, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi để Công ty cổ phần Điện Nước An Giang đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch mà Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã đề ra, được thể hiện trong các lĩnh vực:

- Doanh thu, lợi nhuận và nộp ngân sách đều đạt vượt chỉ tiêu nghị quyết.
- Công tác phát triển khách hàng điện, nước; Sản lượng tiêu thụ điện nước; Tỷ lệ thất thoát điện nước đều thực hiện đạt và vượt mức chỉ tiêu kế hoạch, tăng cao so với cùng kỳ năm 2017.

- Thực hiện dự án nhà máy xử lý nước thải thành phố Long Xuyên, đảm bảo dự án triển khai thi công đúng tiến độ đề ra.

- Tiếp tục phát triển và quản lý tốt mạng lưới điện nông thôn trong toàn tỉnh, phát triển khách hàng điện đến cuối năm 2018 đạt 413.910 hộ khách hàng, đảm bảo hệ thống điện đạt yêu cầu kỹ thuật, vận hành an toàn liên tục.

- Phát triển và quản lý vận hành các hệ thống cấp nước trong toàn tỉnh, phát triển khách hàng nước đến cuối năm 2018 đạt 442.519 hộ khách hàng, đảm bảo nguồn nước cấp cho các hộ dân đạt tiêu chuẩn nước sinh hoạt và đảm bảo đầy đủ, an toàn và liên tục.

- Đối ứng cùng ngân sách tỉnh thực hiện hoàn thành các chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch nông thôn; chương trình cung cấp nước sạch cho: các vùng hạn hán, vùng bị xâm nhập mặn và cùm, tuyến dân cư vượt lũ; chương trình điện nước cho nông thôn mới.

- Tham gia thực hiện tốt các chính sách xã hội, đền ơn đáp nghĩa, xã hội từ thiện, quỹ vì người nghèo,...

- Đảm bảo đời sống thu nhập của trên 1.350 cán bộ công nhân viên chức toàn đơn vị, đảm bảo thu nhập năm sau luôn cao hơn năm trước.

- Phần đầu chia cổ tức hàng năm đạt: 15%.

- Thực hiện tốt nộp ngân sách Nhà nước.

HĐQT làm việc theo chế độ tập thể, dân chủ và thường xuyên họp định kỳ. HĐQT của Công ty luôn hoạt động đúng theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. HĐQT đã thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018, bám sát định hướng, chiến lược và tình hình thực tế để đưa ra các quyết sách, quyết định, các chỉ đạo chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất của Công ty. Một số công việc chính như:

- Quyết định đường lối, chính sách hoạt động của Công ty;

- Củng cố và sắp xếp lại bộ máy tổ chức trong Công ty cho phù hợp với mô hình phát triển bền vững và lâu dài của Công ty;

- Đôn đốc cải cách quy trình quản lý, vận hành để giảm hao hụt và tổn thất mang lại hiệu quả cho sản xuất - kinh doanh của Công ty;

- Xử lý nợ phải thu khó đòi hàng năm.

- Quyết định hạn mức tín dụng hàng năm để hoạt động sản xuất - kinh doanh và đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa,...

- Quyết định thực hiện dự án Khu dịch vụ thương mại kết hợp văn hóa Du lịch Châu Đốc.

- Chi đạo phải thường xuyên chăm lo và chăm sóc cho khách hàng, luôn mang lại những tiện ích tối ưu cho khách hàng.

Các nội dung, quyết định trong cuộc họp HĐQT điều được các thành viên bàn bạc, tranh luận, phân tích rõ ràng, cụ thể và kết luận ý kiến đóng góp điều đạt sự thống nhất cao.

HĐQT điều tổ chức các phiên họp định kỳ hàng tháng để cùng Ban lãnh đạo Công ty xem xét đánh giá về kết quả sản xuất - kinh doanh, nhận định các thuận lợi khó khăn để đưa ra các biện pháp giải pháp kịp thời và hợp lý cho các hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty.

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và với thẩm quyền của mình. HĐQT đã phê chuẩn và giao cho Ban lãnh đạo công ty thực hiện. Hoạt động đánh giá của HĐQT với Ban lãnh đạo công ty được tập trung vào các nội dung:

3.1. Giám sát về tổ chức bộ máy:

Đây là nhiệm vụ quan trọng trong hoạt động giám sát của HĐQT với Ban lãnh đạo công ty, liên quan trực tiếp đến bộ máy tổ chức, hoạt động điều hành cũng như hiệu quả sản xuất - kinh doanh của Công ty. Với đặc thù ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty, theo đề nghị của Ban lãnh đạo công ty, HĐQT phê duyệt hệ thống tổ chức của công ty, phân công trách nhiệm cho Tổng Giám đốc Công ty, các Phó Tổng Giám đốc Công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc các Xí nghiệp, Trưởng, Phó các phòng ban Công ty trên cơ sở phát huy cao nhất năng lực, trí tuệ và trách nhiệm của các cá nhân lãnh đạo trong việc thực hiện nhiệm vụ, tăng cường sự phối hợp nhịp nhàng và hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực hiện chức trách nhiệm vụ của mình.

3.2. Giám sát về sản xuất - kinh doanh:

Thường xuyên kiểm tra, đánh giá kết quả sản xuất - kinh doanh hàng tháng, quý của Công ty, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, đồng thời cập nhật những khó khăn phát sinh trong hoạt động điều hành của Công ty, những khó khăn phát sinh do yếu tố khách quan để kịp thời có những điều chỉnh cho phù hợp.

Hội đồng quản trị, đặt biệt là Chủ tịch HĐQT luôn trực tiếp chỉ đạo sát sao đến từng bộ phận và xí nghiệp, từ đó kịp thời, giải quyết những khó khăn phát sinh trong hoạt động của Công ty.

Kết quả giám sát cho thấy Ban lãnh đạo công ty đã triển khai thực hiện quyết liệt các hoạt động sản xuất - kinh doanh và các biện pháp đối phó với tình hình khó khăn được áp dụng kịp thời, đúng lúc và đã phát huy hiệu quả trong sản xuất - kinh doanh. Các chỉ tiêu sản xuất - kinh doanh đạt được của các năm điều đã vượt so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đề ra.

3.3. Các hoạt động giám sát khác:

- Giám sát về triển khai thực hiện điều hành: Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc đã triển khai các công việc cho hệ thống các Phòng ban, Xí nghiệp, tổ chức các cuộc họp kịp thời với các bộ phận liên quan để giải quyết các phát sinh thuộc thẩm quyền, cũng như kịp thời xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT với những nội dung lớn trong hoạt động của Công ty.

- Thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước, trả lương người lao động: kịp thời, đúng chế độ.

- Thực hiện việc đoàn kết trong toàn Công ty: Không có các mâu thuẫn trong toàn Công ty.

Trong những năm qua, HĐQT thực hiện nhiệm vụ giám sát của mình một cách cẩn trọng theo đúng Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật, mang lại hiệu quả và lợi ích cao nhất cho Công ty và các cổ đông. Qua giám sát, Hội đồng quản trị đánh giá Ban lãnh đạo công ty đã điều hành sản xuất - kinh doanh của Công ty với rất nhiều cố gắng và đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Trong quá trình điều hành Ban lãnh đạo công ty đã tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, Điều lệ và các Quy chế của Công ty.

4. Các quyết định, nghị quyết của HĐQT năm 2018:

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ.HĐQT	18/01/2018	Kết quả họp Hội đồng quản trị (lần 1) 2018
2	02/NQ.HĐQT	21/03/2018	Kết quả họp Hội đồng quản trị (lần 2) 2018
3	03/NQ.HĐQT	24/04/2018	Kết quả họp Hội đồng quản trị (lần 3) 2018
4	04/NQ.HĐQT	17/05/2018	V/v Chi tạm ứng cổ tức năm 2017
5	05/NQ.HĐQT	22/05/2018	Kết quả họp Hội đồng quản trị (lần 4) 2018
6	06/NQ.HĐQT	22/05/2018	V/v Điều chỉnh DA HTCN Khu du lịch Núi Cẩm, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang
7	07/NQ.HĐQT	12/07/2018	Kết quả họp Hội đồng quản trị (lần 5) 2018
8	08/NQ.HĐQT	22/08/2018	Kết quả họp Hội đồng quản trị (lần 6) 2018
9	09/NQ.HĐQT	22/08/2018	V/v Hạn mức tín dụng năm 2018
10	10/NQ.HĐQT	20/09/2018	Kết quả họp Hội đồng quản trị (lần 7) 2018
11	11/NQ.HĐQT	06/11/2018	Kết quả họp Hội đồng quản trị (lần 8) 2018
12	12/NQ.HĐQT	20/12/2018	Kết quả họp Hội đồng quản trị (lần 9) 2018

5. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

6. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: HĐQT không lập các tiểu ban thuộc HĐQT.

III. Ban Kiểm soát:

1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát của Công ty có 03 (ba) thành viên:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Đặng Chánh Nghĩa	Trưởng Ban kiểm soát	4/4	100%
2	Lê Phúc Nhuận	Thành viên BKS	4/4	100%

3	Nguyễn Thị Ngọc Châu	Thành viên BKS	4/4	100%
---	----------------------	----------------	-----	------

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2018, BKS đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty.

BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị (HDQT), Ban Tổng Giám đốc (BTGD) năm 2018, cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HDQT, BTGD trong năm 2018;
- Tham gia ý kiến và đưa ra các kiến nghị với HDQT, BTGD về các vấn đề liên quan tới hoạt động của công ty trong năm;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018 đối với HDQT và BTGD;
- Thẩm tra báo cáo tài chính năm nhằm đánh giá trung thực và hợp lý các số liệu tài chính

* Kết quả đánh giá:

- Nhìn chung hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm 2018 được tiến hành một cách cẩn trọng, hợp lý, hiệu quả đảm bảo các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.
- Đối với cổ đông của Công ty trong thời gian qua Ban Kiểm soát chưa nhận được yêu cầu kiểm tra từ phía cổ đông.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HDQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý khác:

- Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp sơ kết tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, nhờ đó nắm bắt kịp thời tình hình sản xuất kinh doanh, tham gia ý kiến trong công tác lãnh đạo điều hành hoạt động của Công ty nhằm mục tiêu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 do Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua.

- Phối hợp trực tiếp với bộ phận tài chính kế toán trong việc rà soát các quy định pháp lý phục vụ cho việc ghi chép, lập các báo cáo tài chính một cách thận trọng và tuân thủ các quy định hiện hành.

- Ban kiểm soát nhận được sự phối hợp nghiêm túc, cung cấp hồ sơ đầy đủ kịp thời của các bộ phận quản lý có liên quan.

IV. Danh sách về người có liên quan theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán và giao dịch của người có liên quan của Công ty với chính Công ty:

1. Danh sách về người có liên quan theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán: xem bảng Phụ lục đính kèm;

2. Giao dịch của người có liên quan của Công ty với chính Công ty: không có;

V. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan đến cổ đông nội bộ:

1. Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan đến cổ đông nội bộ: xem bảng Phụ lục đính kèm

2. Giao dịch của người có liên quan đến cổ đông nội bộ

T T	Tên người thực hiện giao dịch	Tên cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm (mua bán, chuyển đổi, thưởng,...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Trần Thị Thanh Tuyền	Lương Văn Bạ (CTHĐQT)	98.800	0,2	118.800	0,24	Mua bán
2	Bùi Thị Nguyệt	Lê Thành Bửu (TVHĐQT-TGD)	14.300	0,03	46.400	0,1	Mua bán
3	Trương Văn Nghiệm	Trương Văn Nghiệm (KTT)	4.600	0,01	5.000	0,01	Mua bán
4	Huỳnh Thị Trúc Chi	Nguyễn Tuấn Huy (TVHĐQT)	3500	0,00	0	0	Mua bán

VI. Các vấn đề cần lưu ý khác (nếu có): Không có

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các TV HĐQT;
- Các TV BTGD;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lương Văn Bạ

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14/BC.HĐQT

Long Xuyên, ngày 11 tháng 04 năm 2019

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Phụ lục đính kèm theo báo cáo số 14/BC-HĐQT ngày 11/04/2019 về tình hình quản trị Công ty năm 2018, Công ty cung cấp thông tin về thay đổi danh sách về người có liên quan cũng như cổ đông nội bộ, người công bố thông tin và người có liên quan tính đến ngày 31/12/2018.

I. Danh sách về người có liên quan của Công ty niêm yết theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán và giao dịch của người có liên quan của Công ty:

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp CMND/ĐKKD	Nơi cấp CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do
1	Luong Văn Bạ		Chủ tịch HĐQT	350860163	09/6/2014	Công an An Giang	142/1 Thoại Ngọc Hầu, P. Mỹ Long, TP Long Xuyên, An Giang	26/5/2016		Được bầu làm CTHĐQT, thôi kiêm nhiệm Tổng Giám đốc
2	Lê Thành Bửu		TVHĐQT, Tổng Giám đốc	350009449	19/09/2008	Công an An Giang	Khóm 4, phường Mỹ Long, Tp. Long Xuyên, An Giang	26/5/2016		Được bầu làm TVHĐQT, bổ nhiệm Tổng Giám đốc
3	Lê Việt Anh		TVHĐQT, Phó Tổng Giám đốc	351012816		Công an An Giang	TT. An Châu, huyện Châu Thành, An Giang	26/5/2016		Được bầu làm TVHĐQT, bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc
4	Trần Nhất Trí		TVHĐQT, Phó Tổng Giám đốc	352026491	2/11/2006	Công an An Giang	9A Đề Thám, P. Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang	26/5/2016		Được bầu làm TVHĐQT, bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp CMND/ĐKKD	Nơi cấp CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do
5	Trần Thanh Hoàng		TVHĐQT	350002786	21/09/2010	Công an An Giang	67 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang	26/5/2016		Được bầu làm TVHĐQT
6	Lâm Thành Quang		TVHĐQT	350002852	21/12/2005	Công an An Giang	5/2B Thủ Khoa Nghĩa, P.Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang	26/5/2016		Được bầu làm TVHĐQT
7	Nguyễn Tuấn Huy		TVHĐQT	350974918	11/10/2007	Công an An Giang	257D/13 Trần Hưng Đạo, Bình Khánh 3, Bình Khánh, TP Long Xuyên, An Giang	26/5/2016		Được bầu làm TVHĐQT
8	Trương Văn Nghiệm		Kế toán trưởng	352240364	13/11/2009	Công an An Giang	521E Võ Thị Sáu, P. Mỹ Xuyên, Long Xuyên, An Giang	26/5/2016		Được bổ nhiệm Kế toán trưởng
9	Đặng Chánh Nghĩa		Trưởng ban kiểm soát	351662584	30/05/2001	Công an An Giang	9E0 Đinh Công Tráng, P.Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang	26/5/2016		Được bầu làm Trưởng ban KS
10	Lê Phúc Nhuận		Thành viên kiểm soát	350002790	10/06/2011	Công an An Giang	9/1 Tổ 73, Trần Hưng Đạo, Khóm Đông Thịnh 5, P. Mỹ Phước, Long Xuyên, An Giang	26/5/2016		Được bầu làm Thành viên KS
11	Nguyễn Thị Ngọc Châu		Thành viên kiểm soát	351501113	17/02/2009	Công an An Giang	14 C4 Dương Khuê, P. Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang	26/5/2016		Được bầu làm Thành viên KS

6002
 TÔN
 C
 IÊN
 AN G
 XUYÊ

II. Danh sách người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ:

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp CMND/ĐKKD	Nơi cấp CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phần sở hữu (nếu có)
1	Lương Văn Bạ		Chủ tịch HĐQT	350860163	09/6/2014	Công an An Giang	142/1 Thoại Ngọc Hầu, P. Mỹ Long, TP Long Xuyên, An Giang		21.500
	Trần Thị Thanh Tuyền							Vợ	118.800
	Lương Thị Kim Hiên		Nhân viên					Chị ruột	8.800
	Lương Thị Cẩm Bình		Nhân viên					Em ruột	3.500
	Lê Thành Út		Nhân viên					Em rể	2.000
2	Lê Thành Bửu		TVHĐQT, Tổng Giám đốc	350009449	19/09/2008	Công an An Giang	Khóm 4, phường Mỹ Long, Tp. Long Xuyên, An Giang		
	Bùi Thị Nguyệt							Vợ	46.400
3	Lê Việt Anh		TVHĐQT, Phó Tổng Giám đốc	351012816		Công an An Giang	TT. An Châu, huyện Châu Thành, An Giang		
4	Trần Nhất Trí		TVHĐQT, Phó Tổng Giám đốc	352026491	2/11/2006	Công an An Giang	9A Đề Thám, P. Bình Khánh, Long Xuyên, An Giang		
	Nguyễn Ngọc Bích		Thủ quỹ (XNĐN Châu Thành)					Vợ	1.200
5	Trần Thanh Hoàng		TVHĐQT	350002786	21/09/2010	Công an An Giang	67 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang		103.400
	Trần Thị Thanh Phương		Chuyên viên					Con ruột	24.700
6	Lâm Thành Quang		TVHĐQT	350002852	21/12/2005	Công an An Giang	5/2B Thủ Khoa Nghĩa, P.Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang		4.000
7	Nguyễn Tuấn Huy		TVHĐQT	350974918	11/10/2007	Công an An Giang	257D/13 Trần Hưng Đạo, Bình Khánh 3, Bình Khánh, TP Long Xuyên, An Giang		6.600

9791-C
TY
VƯỚC
-NG
-T.M.C

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp CMND/ĐKKD	Nơi cấp CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phần sở hữu (nếu có)
	Huỳnh Thị Trúc Chi		Chuyên viên						0
8	Trương Văn Nghiệm		Kế toán trưởng	352240364	13/11/2009	Công an An Giang	521E Võ Thị Sáu, P. Mỹ Xuyên, Long Xuyên, An Giang		5.000
	Lê Ngọc Thuận							Vợ	2.000

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các TV HĐQT;
- Các TV BTGD;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lương Văn Bạ